

ĐẦU TƯ

Đầu tư nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1988 đến nay

I. GIẤY PHÉP VÀ VỐN ĐẦU TƯ

Từ năm 1988 đến cuối tháng 4.92 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có 171 giấy phép đầu tư đã được cấp với tổng số vốn đầu tư 1 tỷ USD, vốn pháp định trên 514 triệu USD, trong đó phía Việt Nam góp trên 176 triệu USD, nước ngoài góp 337 triệu USD (số này đã loại trừ 20 giấy phép đã và đang đề nghị thu hồi).

1. Phân theo cấp

a/ Thành phố trực tiếp quản lý 107 giấy phép, bị rút 9 giấy phép vì triển khai chậm hoặc không có khả năng triển khai, hiện còn lại 97 giấy phép, với tổng vốn đầu tư 750 triệu

USD, vốn pháp định trên 344 triệu USD (phía Việt Nam góp 107 triệu USD, chiếm 31%, phía nước ngoài góp 237 triệu USD, chiếm 69%).

* Cơ cấu vốn của Việt

Nam góp như sau:

- Quyền sử dụng đất: 50,4%
- Nhà xưởng: 29%
- Thiết bị: 1,3%
- Tiền mặt (quy ngoại tệ): 15,3%
- Các loại khác: 4%

* Cơ cấu vốn của nước

ngoài góp:

- Thiết bị: 21,1%
- Phương tiện vật tư: 6%
- Tiền mặt và các loại khác: 72,9%

b/ Các đơn vị trung ương trên địa bàn Thành phố đã được cấp 84 giấy phép, hiện còn 74 giấy phép với cơ cấu như sau:

- Liên doanh: 68 giấy phép

- Hợp tác kinh doanh: 6 giấy phép.

Với tổng vốn đầu tư trên 200 triệu USD, vốn pháp định 160 triệu USD. Ngoài ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang hoạt động 10 đơn vị đầu tư.

2. Phân theo quốc tịch

các nước có công ty tham gia đầu tư trên thành phố là:

Nước	Giấy phép
1. Đài Loan	40
2. Hồng Kông	35
3. Liên Xô (cũ)	17
4. Pháp	16
5. Nhật	10
6. Úc	7
7. Nam Triều Tiên	7
8. Singapore	6
9. Thái Lan	6
10. Malaysia	5
11. Mỹ	4
12. Thụy Sĩ	3
13. Anh	2
14. Hungary	2
15. Hà Lan	2
16. Đức	2
17. Đan Mạch	1
18. Ý	1
19. Bỉ	1
20. Ả Rập	1
21. Indonesia	1
22. Thụy Điển	1
23. Na Uy	1

3. Các thành phần kinh tế của Việt Nam tham gia đầu tư

- Kinh tế quốc doanh: đại đa số
- Kinh tế tập thể: 3 hợp tác xã với 4 giấy phép
- Kinh tế tư nhân: 1 giấy phép (xưởng, Catomic)

4. Vốn đầu tư theo ngành

tổng vốn đầu tư.

- Xí nghiệp đầu tư 100% vốn nước ngoài: 15 giấy phép thường thuộc các ngành sản xuất có kỹ thuật cao như sản xuất đá mài kim cương, sản xuất dây điện tử cho ngành điện tử.

- Hai khu chế xuất: khu Tân Thuận đã bắt đầu khởi công xây dựng, khu Linh Trung.

- Thủ Đức đã có một số đối tác xin vào đầu tư.

- Đầu tư ngoài luật: tính chưa đầy đủ trong năm 1990 1991 ở các quận Sáu, Năm, Tân Bình, Gò Vấp... Các giấy phép, cơ sở nhận được triển khai hoặc nguyên liệu trị giá đến 10 triệu USD từ thân nhà nước ngoài gửi về để làm ăn, cơ sở trị giá đến 500.000 USD.

6. Thành phố có vài đơn vị tham gia liên doanh với nước ngoài như

- Công ty Legamex có trụ sở ở Paris.

- Công ty liên doanh Katran, công ty liên doanh Gematrans và công ty liên doanh Vosa Shipping có trụ sở ở Hồng Kông.

- Công ty Du lịch Thành phố có trụ sở ở Thái Lan.

Số giấy phép và vốn đầu

NGÀNH	GIẤY PHÉP	VỐN ĐẦU TƯ CHIẾM
DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ:		
- Công nghiệp	46	21,2%
- Nông lâm nghiệp	08	24,6%
- Ngư nghiệp	02	2,3%
- Giao thông bưu điện và cơ sở hạ tầng	06	17,7%
- Khách sạn, dịch vụ	32	34,2%
DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ:		
- Công nghiệp	45	44,6%
- Nông lâm nghiệp	01	4,5%
- Ngư nghiệp	06	16,0%
- Giao thông, bưu điện và cơ sở hạ tầng	06	19,2%
- Khách sạn, dịch vụ	17	15,7%

5. Các hình thức đầu tư

- Hợp tác kinh doanh: 9 giấy phép

- Liên doanh: 73 giấy phép, vốn góp phía Việt Nam chủ yếu là nhà, đất chiếm tỷ trọng từ 30% đến 50% trong

tư nêu trên của năm 1991 tăng bằng 3 năm trước cộng 1 Riêng bốn tháng đầu năm 1992, Thành phố đã được cấp 31 giấy phép, với tổng vốn đầu tư 232 triệu USD chiếm 30% trên tổng vốn đầu tư từ trước

Nhìn ra nước ngoài

ĐÀI LOAN NHỮNG KHUYẾN KHÍCH NHẪM ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ

LÊ VĂN CHẤN

Tổng thu nhập quốc gia của Đài Loan là 3.000,7 tỷ NT năm 1987; thu nhập quốc dân bình quân đầu người là 4.537 USD và xuất khẩu là 88,5 tỷ USD. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thành công kỳ diệu đó là Đài Loan đã có chính sách thuế phù hợp và có chế độ ưu đãi thuế để khuyến khích đầu tư và phát triển kinh tế.

đến nay.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thu hút lao động

cuối năm 1991 số lao động làm việc trong các đơn vị đầu tư khoảng 8.500 người. Trong đó:

- Hợp tác kinh doanh: 1.100 người

- Liên doanh: 6.000

- 100% vốn nước ngoài: 1.400

Ngoài ra số lao động thời vụ: 3.500 người trong các công ty xây dựng thi công.

2. Hiệu quả kinh tế tài chính

- Đầu tư nước ngoài vào Thành phố đã phát triển thêm một số ngành nghề mới, tạo thêm sản phẩm mới cho xã hội,

thúc đẩy sự cạnh tranh phát triển giữa các đơn vị kinh tế trong nước cũng như ngoài nước.

- Tính đến cuối năm 1991 doanh số xuất khẩu trong khu vực này ước tính 27 triệu USD.

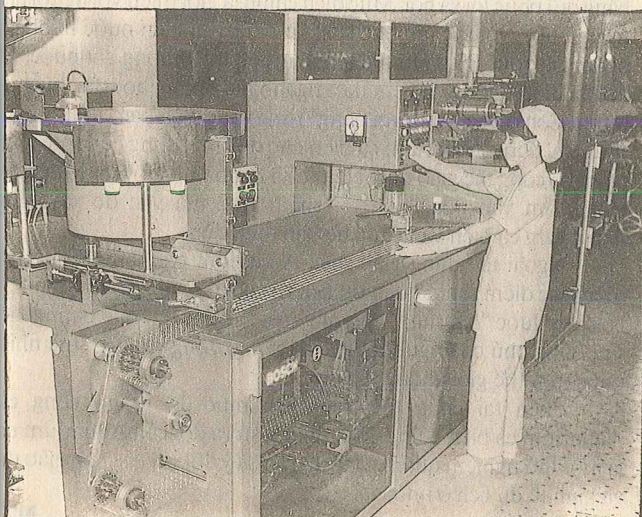
- Trong hai năm 1990 và 1991 số thuế đã thu được vào ngân sách là 12.103.625.189 VND và 1.094.212,99 USD và 1.000.000 rúp (chưa tính thuế đất vì đại bộ phận đã đưa vào vốn đầu tư phía Việt Nam)

III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THANH PHỐ TRONG NHỮNG NĂM TỚI

NGÀNH	ĐỀ ÁN	VỐN ĐẦU TƯ (TRIỆU USD)
1. Các khu công nghiệp tập trung	13	chưa ước tính
2. Xây dựng hạ tầng cơ sở	15	6.310,00
3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	20	1.037,12
4. Các ngành công nghiệp	64	432,65
Trong đó:		
- Cơ khí	10	223,00
- Chế biến	14	37,50
- Hóa dược	05	19,65
- VLXD - Giấy - Gỗ	09	48,50
- Nhựa - Cao su	08	14,00
- Dệt - da - may	18	90,00
5. Nông lâm nghiệp	22	278,00
6. Thương mại - du lịch	25	748,00
7. Các ngành công nghiệp trung ương trên Thành phố	32	179,75
Tổng cộng	191	8.985,52

Ghi chú: Các danh mục này chưa xây dựng theo mẫu UNIDO của Liên Hiệp Quốc do đó phần tính toán vốn đầu tư chưa thật chính xác.

NTM



I. Mục tiêu của sự khuyến khích (Những khuyến khích bằng thuế cơ bản)

Biện pháp được áp dụng trong giai đoạn 1981-1990 thực hiện Đạo Luật khuyến khích đầu tư.

1. Đẩy nhanh mức phát triển công nghiệp: mở rộng diện áp dụng hệ thống gia tăng tốc độ khấu hao, và thiết lập tỷ lệ chi phí nghiên cứu và triển khai (R&D) tối thiểu. Miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị.

2. Thích nghi với những thay đổi của sự phát triển kinh tế: bổ sung thêm hệ thống tín dụng đầu tư.

3. Hoàn thiện cấu trúc tài chính: nâng cao mức trần của thu nhập dự trữ và mở rộng lĩnh vực áp dụng chế độ định mức tối đa này.

4. Khuyến khích các công dân đầu tư thông qua gửi tiết kiệm: giảm thuế thu nhập cho phần tiền hưởng lãi cổ phần và lãi suất tiết kiệm trên số tiền đầu tư.

II. Tác dụng từ thuế đối với khuyến khích đầu tư

1. Những khuyến khích dành cho cơ quan doanh nghiệp sản xuất mới thành lập: có thể lựa chọn để được miễn giảm thuế thu nhập cơ quan kinh doanh kiểm soát cho một giai đoạn dài 5 năm liên tục tính từ ngày bắt đầu bán được sản phẩm đầu tiên hoặc từ ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ; hoặc gia tăng tốc độ khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

2. Khuyến khích mở rộng doanh nghiệp sản xuất: có thể lựa chọn để được miễn giảm thuế thu nhập công ty doanh nghiệp (DN) cho một thời hạn 4 năm liên tục kể từ ngày bắt đầu hoạt động; hoặc chọn tăng khấu hao TSCĐ.

3. Hoàn thời hạn bắt đầu được hưởng miễn thuế cho các cơ quan DN sản xuất quan trọng: tối đa không vượt quá 4 năm.

4. Khuyến khích DN kiểm soát đầu tư ra nước ngoài: có thể được hưởng sự khuyến khích đầu tư dưới dạng miễn thuế thu nhập; tăng tốc độ khấu hao TSCĐ; hoặc hoàn thời hạn bắt đầu miễn giảm.

5. Cắt giảm khoản tiền đầu tư vào thiết bị sản xuất khỏi phải nộp thuế thu nhập.

6. Tăng tốc độ khấu hao thiết bị mới.

7. Gia hạn thời gian đánh giá (xác định) thuế thu nhập đánh trên lãi cổ phần.

8. Giới hạn của thuế thu nhập phải đóng.

9. Miễn giảm thuế thu nhập dưới tính chất tiền lương của người nước ngoài được cơ quan DN kiểm soát nước ngoài cử đến công tác tại Đài Loan.

10. Cắt giảm đầu tư cá nhân khỏi thuế thu nhập.

11. Miễn thuế hoặc trả dần thuế nhập khẩu thiết bị máy móc.

12. Ưu đãi thuế cho bất động sản (phục vụ sản xuất).

III. Ưu đãi thuế để khuyến khích tiết kiệm và tạo vốn:

Miễn thuế thu nhập cho lãi suất và lợi tức cá nhân; giảm thuế cho các công ty cổ phần; miễn thuế để khuyến khích phát hành chứng khoán... ưu đãi thuế để khuyến khích nghiên cứu triển khai như: miễn thuế thu nhập cho tiền bản quyền...

Ưu đãi thuế khuyến khích hợp lý hóa sản xuất và các ưu đãi thuế khác như: khuyến khích kinh doanh xuất khẩu...

(Theo bản dịch Hệ thống thuế ở Cộng hòa Trung Hoa (Đài Loan) 1989 của Bộ Tài chính)

LVC